UBND TỈNH KIÊN GIANG **BCT NGƯỜI CAO TUỔI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 2723 /BC-BCTNCT	*Kiên Giang, ngày 13 tháng 12 năm 2019*

BÁO CÁO
CÔNG TÁC NGƯỜI CAO TUỔI NĂM 2019 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2020

Căn cứ Công văn số 4433/UBQGNCT-VP ngày 18/10/2019 của Ủy Ban Quốc gia Người cao tuổi Việt Nam về việc báo cáo công tác Người cao tuổi năm 2019 và Kế hoạch nhiệm vụ năm 2020, Ban Công tác Người cao tuổi tỉnh Kiên Giang báo cáo như sau:

I. Tình hình chung của tỉnh

1. Tình hình chung

Kiên Giang là tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long, diện tích 6.348 km2; đơn vị hành chính được chia thành 02 thành phố và 13 huyện, với 145 xã, phường, thị trấn. Toàn tỉnh có 456.776 hộ, dân số 1.723.000 người, dân tộc thiểu số chiếm 14,25%, trong đó dân tộc Khmer: 12,19%. Tỷ lệ hộ nghèo năm 2019 là 2,69%.

2. Thực trạng người cao tuổi

- Tổng số người cao tuổi : 133.303 người; tỷ lệ người cao tuổi: 7,74%

- Chia theo độ tuổi:

+ Từ 60-79 tuổi: 112.357 người,

+ Từ 80- 99 tuổi: 20.751 người.

+ Đủ 100 tuổi: 48 người.

+ Trên 100 tuổi: 147 người.

II. Kết quả triển khai thực hiện Luật NCT và các chính sách đối với người cao tuổi ở các cấp

(Biểu tổng hợp kèm theo)

1. Công tác chỉ đạo

Thường xuyên quan tâm chỉ đạo thực hiện Luật Người cao tuổi. Thực hiện Quyết định số 544/QĐ-TTg ngày 25/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tháng hành động vì Người cao tuổi Việt Nam, UBND tỉnh Kiên Giang ban hành Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 21/5/2019 thực hiện "Tháng hành động vì người cao tuổi Việt Nam" năm 2019 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang"; chỉ đạo Sở Tài chính tham

mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Nghị quyết 217/2019/NQ-HĐND ngày 26/7/2019 quy định mức tặng quà, chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi theo Thông tư số 96/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. Công tác tuyên truyền, tập huấn

Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang, Báo Kiên Giang, hệ thống loa truyền thanh ở các địa bàn dân cư thường xuyên tuyên truyền rộng rãi về Luật Người cao tuổi, Chương trình hành động Quốc gia người cao tuổi và các văn bản chỉ đạo của các Bộ, ngành về công tác người cao tuổi, các chế độ chính sách của nhà nước, đặc biệt là công tác chúc thọ, mừng thọ cho người cao tuổi nhân dịp xuân Kỷ Hợi năm 2019 đối với người cao tuổi, nêu gương sáng về người cao tuổi làm kinh tế giỏi, tham gia công tác khuyến học, khuyến tài, công tác hòa giải ở cơ sở và tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, phát huy vài trò ông, bà, cha, mẹ gương mẫu - cháu con thảo hiền trong gia đình.

Các hoạt động tuyên truyền về Luật Người cao tuổi, Chương trình hành động quốc gia người cao tuổi giai đoạn 2012-2020 đã góp phần nâng cao nhận thức về trách nhiệm, quyền lợi và chế độ chính sách đối với người cao tuổi ở các cấp, các ngành và người dân; tăng cường sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và góp phần đẩy mạnh công tác xã hội hóa chăm sóc người cao tuổi.

Các cấp Hội người cao tuổi trong tỉnh thường thường xuyên triển khai quán triệt, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng Luật Người cao tuổi và các chính sách người cao tuổi, tuyên truyền về biển đảo, xây dựng nông thôn mới và phòng chống tệ nạn xã hội… trong các tầng lớp nhân dân nhất là đối tượng người cao tuổi với 480 cuộc có 72.000 lượt người tham dự.

3. Về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

Thực hiện Thông tư số 35/2011/TT-BYT của Bộ Y tế, Sở Y tế tỉnh Kiên Giang chỉ đạo, hướng dẫn các Trạm y tế xã, phường, thị trấn tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi ít nhất 01 lần/năm; chỉ đạo tuyên truyền phổ biến kiến thức về rèn luyện thân thể, tăng cường sức khỏe và phòng bệnh; hướng dẫn người cao tuổi các kỹ năng phòng bệnh, chữa bệnh và tự chăm sóc sức khỏe; triển khai hướng dẫn, chuyển giao các kỹ năng chăm sóc, phục hồi vận động, phục hồi chức năng cho người cao tuổi tại nhà. Cử cán bộ y tế đến nhà khám cho những người bệnh cao tuổi bệnh nặng không đi lại được. Chỉ đạo hệ thống y tế chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; trong khám chữa bệnh tại các bệnh viện, thực hiện ưu tiên khám trước cho người cao tuổi; mỗi khoa của bệnh viện bố trí từ 01 đến 02 phòng phục vụ bệnh nhân người cao tuổi.

Hàng năm, thực hiện cấp thẻ BHYT cho 100% người cao tuổi thuộc diện hưởng lương hưu, chính sách người có công, chính sách bảo trợ xã hội, người cao

tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên, người cao tuổi thuộc hộ nghèo và hỗ trợ khám chữa bệnh miễn phí tại các cơ sở khám chữa bệnh của Nhà nước.

Các Trạm y tế cấp xã thực hiện lập hồ sơ theo dõi sức khỏe và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 25.371 người cao tuổi, số người cao tuổi có hồ sơ theo dõi sức khỏe ban đầu là 25.371 người; thường xuyên phối hợp cơ sở khám chữa bệnh tuyến trên tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi.

Cấp 108.545 thẻ BHYT cho NCT (trong đó, cấp 24.392 thẻ BHYT cho người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội); khám sàn lọc và phẫu thuật mắt miễn phí cho 13.256 người cao tuổi. Thực hiện hiện khám chữa bệnh cho người cao tuổi có thẻ BHYT: 444.960 lượt.

4. Về chăm sóc đời sống vật chất và bảo trợ xã hội

- Thực hiện trợ cấp, trợ giúp xã hội cho người cao tuổi kịp thời, đúng theo quy định. Số người cao tuổi được hưởng trợ cấp xã hội theo Luật người cao tuổi: 23.057 người. Trong đó:

+ Số người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu: 22.582 người.

+ Số người cao tuổi không có người có nghĩa vụ, quyền hạn phụng dưỡng: 453 người.

- Số người cao tuổi hưởng trợ cấp theo Luật Người khuyết tật: 6.955người

Thực hiện đầy đủ chính sách chúc thọ, mừng thọ cho người cao tuổi theo Thông tư 21 (hiện nay là Thông tư số 96/2018/TT-BTC) của Bộ Tài chính và Luật Người cao tuổi.

- Thực hiện tốt việc tiếp nhận tại các cơ sở bảo trợ xã hội đối với người cao tuổi nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng, không có điều kiện sống cộng đồng. Tỉnh hiện có 02 cơ bảo trợ xã hội là Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh và Nhà dưỡng lão thành phố Rạch Giá đang tiếp nhận, chăm sóc và nuôi dưỡng 67 người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa. Trong đó Trung tâm Bảo trợ xã hội là cơ sở bảo trợ xã hội công lập thực hiện tốt công tác tiếp nhận và quản lý đối tượng theo quy định, kiểm tra đầy đủ các hồ sơ, thủ tục khi đối tượng được đưa vào nuôi dưỡng, bố trí nơi ăn ở phù hợp với thể trạng của từng đối tượng. Thực hiện đầy đủ các thủ tục khi đối tượng qua đời theo quy định hiện hành.

- Phát động phong trào, huy động nguồn lực xóa bỏ tình trạng người cao tuổi phải ở trong các căn nhà dột nát. Năm 2019, toàn tỉnh đã xây 25 căn nhà đại đoàn kết cho người cao tuổi có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, góp phần giúp ổn định cuộc sống.

5. Về chăm sóc đời sống tinh thần, xã hội

Thực hiện Luật Người cao tuổi và Chương trình hành động Quốc gia Người cao tuổi giai đoạn 2012-2020, các cấp các ngành, các huyện, thành phố thường xuyên quan tâm chăm lo nâng cao đời sống tinh thần cho người cao tuổi thông qua các hoạt động sau:

- Thành lập mới và duy trì nhiều câu lạc bộ người cao tuổi, giúp nâng cao đời sống tinh thần. Tỉnh Kiên Giang hiện đang có nhiều câu lạc bộ người cao tuổi, trong đó có nhiều câu lạc bộ liên quan đến việc chăm sóc người cao tuổi như: câu lạc bộ "Chăm sóc sức khỏe", "Vui khỏe có ích", câu lạc bộ văn thể, câu lạc bộ thuốc nam, câu lạc bộ đái tháo đường, câu lạc bộ làm vườn, cây cảnh, cầu lông, xe đạp, cờ tướng... đặc biệt là câu lạc bộ dưỡng sinh người cao tuổi đang phát triển ở hầu hết các huyện, thành phố trong tỉnh. Toàn tỉnh có 354 câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ và thể dục thể thao với 8.068 người cao tuổi tham gia các câu lạc bộ; nhiều câu lạc bộ có những hoạt động phong phú thu hút sự tham gia của đông đảo người cao tuổi.

Ngoài ra, còn nhiều hoạt động người cao tuổi tích cực tham gia như: chào mừng kỷ niệm 89 năm ngày thành lập Đảng Công sản Việt nam (3/2/1930-3/2/2019), kỷ niệm 78 năm ngày truyền thống Người cao tuổi Việt Nam (6/6/1941-6/6/2019), hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao mừng Đảng, mừng xuân Kỷ Hợi năm 2019.

- Công tác chúc thọ, mừng thọ được quan tâm thực hiện đúng quy định. Hàng năm tổ chức các đoàn đi thăm hỏi, tặng quà, chúc thọ người cao tuổi đủ 90 tuổi và 100 tuổi nhân dịp tết cổ truyền. Thăm và tặng quà hộ người cao tuổi nghèo, neo đơn, tàn tật. Thăm viếng phúng điếu tang lễ cho người cao tuổi qua đời.

- Thực hiện giảm giá vé cho 98 người cao tuổi khi tham gia các phương tiện giao thông đường bộ, kinh phí giảm 2.842.000 đồng; giảm giá vé giao thông đường thủy cho 70.774 người cao tuổi, kinh phí giảm 8.124.820.000 đồng.

6. **Về phát huy vai trò người cao tuổi**

Công tác phát huy vai trò người cao tuổi được đẩy mạnh với các phong trào thi đua "Tuổi cao - Gương sáng" của Hội người cao tuổi đã được gắn với cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư", "ông bà, cha mẹ mẫu mực con cháu hiếu thảo" phong trào "giữ vững an ninh trật tự khu vực biên giới, hải đảo", phong trào "phòng chống tội phạm" "quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc" "Người cao tuổi làm kinh tế giỏi", "trồng cây nhớ ơn Bác Hồ", phong trào "nêu gương sáng góp phần làm phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, làm giàu hợp pháp", phong trào "xóa đói giảm nghèo", "bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới",…tất cả các phong trào trên trong thời gian qua đã phát huy được vai trò của người cao tuổi, góp phần ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Năm 2019, có 6.365 người cao tuổi tham gia công gia công tác xã hội (Đảng, chính quyền, đoàn thể, khuyến học, thanh tra nhân dân, hòa giải...) 1.181 người cao tuổi làm chủ trang trại, chủ doanh nghiệp; 7.947 người cao tuổi làm kinh tế giỏi; 3.132 người cao tuổi tham gia phòng chống tội phạm, trật tự trị an vì an ninh tổ quốc, số tin cung cấp 209 tin.

7. Hoạt động của Quỹ chăm sóc người cao tuổi

Hiện nay, toàn tỉnh có 126/145 xã, phường, thị trấn có Quỹ chăm sóc và phát huy người cao tuổi với số tiền 3.802.228 đồng, các Quỹ đã hoạt động đúng quy chế, thường xuyên thăm hỏi, chăm sóc người cao tuổi đạt hiệu quả.

8. Kết quả triển khai thực hiện Tháng hành động vì Người cao tuổi

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 21/5/2019 thực hiện "Tháng hành động vì người cao tuổi Việt Nam" năm 2019 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang". Thông qua thực hiện Tháng hánh động, các huyện, thành phố tuyên truyền vận động nhân dân, các doanh nghiệp, nhà từ thiện, các tôn giáo đóng góp hỗ trợ cho NCT có hoàn cảnh khó khăn.

9. Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động Quốc gia về NCT giai đoạn 2012-2020

Thực hiện Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 03/4/2013 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động Quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2012-2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp Hội người cao tuổi tỉnh triển khai kế hoạch đến các huyện, thành phố. Trên cơ sở kế hoạch của UBND tỉnh, hàng năm, các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện.

Đến nay, cơ bản hoàn thành 6/9 chỉ tiêu theo kế hoạch gồm: 50% người cao tuổi có nhu cầu hỗ trợ được hướng dẫn về sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, vay vốn; 100% người cao tuổi khi ốm đau được khám chữa bệnh; 100% cơ quan phát thanh - truyền hình cấp tỉnh, huyện có chuyên mục người cao tuổi; 100% người cao tuổi đủ điều kiện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở bảo trợ xã hội; 80% người cao tuổi không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng được nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội. Trên 80% hiện tại là 86% tổng số xã, phường, thị trấn (126/145) thành lập và hoạt động Quỹ chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi trên địa bàn;

Trong đó, 03 chỉ tiêu chưa đạt là:

- 90% tổng số bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa (trừ bệnh viện khoa Nhi, bệnh viện Điều dưỡng phục hồi chức năng), bệnh viện y học cổ truyền có quy mô từ 50 giường bệnh kế hoạch trở lên tổ chức buồng khám bệnh riêng cho người cao tuổi tại khoa khám bệnh, bố trí giường bệnh điều trị nội trú cho người cao tuổi và 30% các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa cấp tỉnh có khoa lão khoa. (Hiện nay cấp tỉnh chưa thành lập khoa lão khoa thuộc bệnh viện tỉnh và Trung tâm y tế cấp huyện)

- 100% người cao tuổi không phải sống trong nhà tạm, dột nát. (Hiện nay đạt khoảng 80%)

- Ít nhất 50% số xã, phường, thị trấn có câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau hoặc các mô hình khác nhằm chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi, trong đó trên 70% người cao tuổi trên địa bàn tham gia và hưởng lợi.

10. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1533/QĐ-TTg ngày 02/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án nhân rộng mô hình câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau giai đoạn 2016-2020

Thực hiện Quyết định 1533/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định số 2196/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 phê duyệt Đề án thành lập Câu lạc bộ Liên thế hệ tự giúp nhau giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Theo Kế hoạch, giai đoạn 2017-2020, xây dựng 25 Câu lạc bộ Liên thế hệ tự giúp nhau trên địa bàn tỉnh. Kinh phí thực hiện đề án gồm ngân sách nhà nước hỗ trợ và huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân, đóng góp của hội viên và các nguồn quỹ địa phương.

Năm 2019, đã thành lập được 10 Câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau, nâng tổng số lên 25 câu lạc bộ trong toàn tỉnh và chân quỹ hiện có 7.561.957.000 đồng.

III. Đánh giá chung

1. Thuận lợi

Tỉnh ủy, UBND tỉnh luôn quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động công tác người cao tuổi; từ đó giúp các hoạt động công tác người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang được đẩy mạnh thực hiện, bao gồm: hoạt động chăm sóc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần; hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; hoạt động tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức các vấn đề liên quan đến người cao tuổi; hoạt động xây dựng và nhân rộng mô hình chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi, hoạt động tổ chức Hội Người cao tuổi các cấp; hoạt động thành lập câu lạc bộ Liên thế hệ tự giúp nhau. Góp phần nâng cao hiệu quả công tác chăm sóc, phát huy vai trò người cao tuổi, giúp người cao tuổi sống vui, sống khỏe, sống có ích cho xã hội, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Khó khăn, hạn chế

Một số chính sách người cao tuổi chưa được thực hiện kịp thời như: chưa thành lập khoa lão khoa tại bệnh viện cấp tỉnh; công tác lập hồ sơ quản lý sức khỏe người cao tuổi còn chậm và trang thiết bị phục vụ khám sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi tại các trạm y tế cơ sở còn thiếu.

Một vài ngành là thành viên Ban công tác người cao tuổi tỉnh chưa tích cực phối hợp thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia người cao tuổi tỉnh giai đoạn 2016-2020.

Việc thành lập có câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau còn gặp nhiều khó khăn; một số cán bộ Hội cơ sở chưa tiếp cận được với công việc nên hiệu quả công

tác chưa cao, nhất là công tác phát triển hội viên, thu hội phí, lập danh sách người cao tuổi chúc thọ, mừng thọ

3. Nguyên nhân

Công tác chăm sóc, phát huy vai trò người cao tuổi ở một số địa phương còn hạn chế, hiệu quả chưa cao.

Đầu tư kinh phí cho một số hoạt động nâng cao đời sống tinh thần cho người cao tuổi còn hạn chế.

Ban công tác người cao tuổi tỉnh kiêm nhiệm, chưa dành nhiều thời gian cho các hoạt động.

4. Kiến nghị, đề xuất

- Bộ Y tế, các trường thuộc khối ngành sức khỏe đào tạo cán bộ chuyên ngành lão khoa cho các cơ sở khám, chữa bệnh trong tỉnh; thường xuyên tổ chức tập huấn, hội thảo các chuyên đề về lão khoa.

- Giảm từ 80 tuổi xuống 75 tuổi đối với người cao tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.

IV. Phương hướng nhiệm vụ năm 2020

Từ những kết quả đạt được trong năm 2019, công tác người cao tuổi năm 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của các ngành, các cấp về Luật Người cao tuổi, các chính sách người cao tuổi, Chương trình hành động quốc gia Người cao tuổi tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2012-2020 nhằm nâng cao nhận thức trách nhiệm của các ngành, các cấp và nhân dân. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với thực hiện Luật Người cao tuổi, Chương trình hành động quốc gia Người cao tuổi và công tác chăm sóc, phát huy vai trò người cao, ,tuổi.

2. Tăng cường hoạt động nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người cao tuổi; thực hiện kịp thời các chính sách trợ cấp xã hội, đặc biệt là trợ cấp cho người cao tuổi bị khuyết tật nặng, đặc biệt nặng theo Nghị định 28/2012/NĐ-CP và trợ cấp xã hội người cao tuổi theo Nghị định 136/2013/NĐ-CP của Chính phủ; vận động cộng đồng xã hội tích cực hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người cao tuổi đang gặp khó khăn về nhà ở, quan tâm hỗ trợ chăm sóc người cao tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo. Đẩy mạnh các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục dưỡng sinh, đờn ca tài tử, vui chơi giải trí, tọa đàm,... thu hút đông đảo người cao tuổi trong tỉnh tham gia và khích lệ tinh thần người cao tuổi.

3. Đẩy mạnh các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi thông qua việc đẩy mạnh thực hiện việc khám chữa bệnh, cấp thuốc miễn phí cho người cao tuổi; thực hiện cấp đầy đủ BHYT cho người cao tuổi được hưởng trợ cấp xã hội.

4. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật đối với người cao tuổi.

5. Thực hiện tốt "Tháng hành động vì người cao tuổi Việt Nam" năm 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Trên đây là báo cáo thực hiện công tác người cao tuổi tỉnh Kiên Giang năm 2019, Ban công tác Người cao tuổi tỉnh Kiên Giang báo cáo Ủy Ban Quốc gia về người cao tuổi Việt Nam./.

Nơi nhận:
- UBQG Người cao tuổi Việt Nam;
- UBND tỉnh;
- Thành viên BCT NCT tỉnh;
- Lưu: VT, ltkinh.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN TRỰC

SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH KIÊN GIANG

GIÁM ĐỐC
SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
Đặng Hồng Sơn

Ký bởi: Sở Lao động Thương binh và Xã hội
Email: sld@kiengiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Kiên Giang
Ngày ký: 13.12.2019 14:39:28 +07:00

BIỂU SỐ 01
SỐ LIỆU VỀ LĨNH VỰC THỐNG KÊ NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 2723/BC-BCTNCT ngày 13 /12/2019 của Ban Công tác NCT tỉnh Kiên Giang)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu
1	Số huyện, quận, TX, TP trực thuộc tỉnh	Huyện	15
2	Số xã, phường, thị trấn	Xã	145
3	Tổng dân số trung bình	Người	1.723.000
3.1	Trong đó: +Nữ	Người	849.784
3.2	+Tỷ lệ dân số khu vực nông thôn	%	71,68
4	Tuổi thọ trung bình chung toàn quốc	Tuổi	73,5
4.1	Trong đó: +Tuổi thọ trung bình của Nam	Tuổi	70,9
4.2	+Tuổi thọ trung bình của Nữ	Tuổi	76,2
5	Tổng số hộ dân	Hộ	456.773
6	Tỷ lệ hộ nghèo	%	2,69
7	Số NCT (từ 60 tuổi trở lên)	Người	133.303
7.1	Trong đó: + Số NCT là Nữ	Người	
7.2	+Số NCT là Nam	Người	
8	Số NCT từ 80 tuổi trở lên	Người	24.392
8.1	Trong đó: + Số Nữ	Người	
8.2	+Số NCT sống ở khu vực nông thôn	Người	
9	Tỷ lệ NCT đơn thân	%	0,326
10	Tỷ lệ NCT thuộc hộ nghèo	%	
11	Tỷ lệ NCT thuộc hộ cận nghèo	%	
12	Tỷ lệ NCT là người dân tộc thiểu số	%	
13	Tỷ lệ NCT là người khuyết tật (có chứng nhận của cấp có thẩm quyền)	%	5,217

BIỂU SỐ 02
SỐ LIỆU VỀ LĨNH VỰC Y TẾ NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 2723 /BC-BCTNCT ngày 13 /12/2019 của Ban Công tác NCT tỉnh Kiên Giang)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu
1	Số bệnh viện có khoa lão khoa	BV	01
2	Số khoa khám bệnh có buồng khám riêng hoặc bố trí bàn khám riêng cho NCT	Khoa	26
3	Số giường điều trị nội trú ưu tiên cho NCT	Giường	497
4	Số nhân viên y tế được đào tạo về lão khoa	Người	8
5	Số NCT đươc khàm sức khỏe định kỳ ít nhất 01 lần/năm do trạm y tế cấp xã tổ chức thực hiện (theo quy định tại Thông tư số 35/2011/TT-BYT ngày 15/10/2011 của Bộ Y tế)	Người	25.371
6	Số NCT được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe (theo quy định tại Thông tư số 35/2011/TT-BYT ngày 15/10/2011 của Bộ Y tế)	Người	25.371
7	Số NCT được tuyên truyền phổ biến kiến thức về chăm sóc và tự chăm sóc sức khỏe (theo quy định tại Thông tư số 35/2011/TT-BYT ngày 15/10/2011 của Bộ Y tế)	Người	25.371
8	Số NCT bị tàn tật, di chứng chấn thương, tai nạn, tai biến, bệnh mãn tính, bệnh nghề nghiệp...được phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	Người	2.924
9	Số NCT cô đơn, bị bệnh nặng không thể đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được cán bộ y tế đến khám bệnh, chữa bệnh tại nơi cư trú (theo quy định tại Thông tư số 35/2011/TT-BYT ngày 15/10/2011 của Bộ Y tế)	Người	1.531
10	Số NCT có bệnh mãn tính không lây nhiễm (ít nhất 01 bệnh)	Người	25.371
11	Số NCT đến khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế trên tổng số lượt người đến khám, chữa bệnh	Người	444.960
12	Số xã, phường xây dựng mạng lưới tình nguyện viên giúp đỡ NCT	Xã	71
13	Số tình nguyện viên chăm sóc NCT tại nhà (theo quy định tại Thông tư số 35/2011/TT-BYT ngày 15/10/2011 của Bộ Y tế)	Người	158
14	Số CLB của những người mắc bệnh mãn tính (theo quy định tại Thông tư số 35/2011/TT-BYT ngày 15/10/2011 của Bộ Y tế)	CLB	59

021

BIỂU SỐ 03
SỐ LIỆU VỀ LĨNH VỰC LAO ĐỘNG-TB&XH NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 2723/BC-BCTNCT ngày 13 /12 /2019 của Ban Công tác NCT tỉnh Kiên Giang)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu
1	Số NCT đang hưởng trợ cấp người có công cách mạng	Người	10.146
2	Số NCT đang hưởng trợ cấp BTXH hàng tháng theo Luật NCT	Người	22.664
2.1	Số NCT từ 60 đến dưới 80 tuổi (thuộc hộ nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền chăm sóc)	Người	265
2.2	Số NCT từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng	Người	22.215
2.3	Số NCT đủ điều kiện tiếp nhận vào cơ sở BTXH, được nhận chăm sóc tại cộng đồng	Người	0
3	Số NCT hưởng trợ cấp hàng tháng theo Luật Người khuyết tật	Người	6.637
4	Số cơ sở nuôi dưỡng/chăm sóc NCT công lập	Cơ sở	01
5	Số NCT nuôi dưỡng trong cơ sở công lập	Người	45
6	Số cơ sở nuôi dưỡng/chăm sóc NCT dân lập	Cơ sở	01
7	Số NCT nuôi dưỡng trong cơ sở dân lập	Người	22
8	Số NCT được chúc thọ, mừng thọ theo quy định	Người	15.157
9	Số cán bộ được tập huấn về công tác NCT các cấp.	Người	1.865

023

BIỂU SỐ 04

LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 2723 /BC-BCTNCT ngày 13 / 12 /2019 của Ban Công tác NCT tỉnh Kiên Giang)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu
1	Tổng số đơn vị/cơ sở kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách đường bộ	Cơ sở	13
1.1	Trong đó số đơn vị/cơ sở thực hiện giảm giá vé đối với NCT	Cơ sở	13
1.2	Số NCT được giảm giá vé đường bộ	Người	98
1.3	Số tiền giảm cho NCT trong lĩnh vực đường bộ	Nghìn đồng	2.842
2	Tổng số đơn vị/cơ sở kinh doanh dịch vụ vận tãi đường thủy	Cơ sở	17
2.1	Trong đó số đơn vị/cơ sở thực hiện giảm giá vé đối với NCT	Cơ sở	17
2.2	Số NCT được giảm giá vé đường thủy	Người	70.774
2.3	Số tiền giảm cho NCT trong lĩnh vực đường thủy.	Nghìn đồng	8.124.820
3	Số NCT được giảm giá vé vận tải hành khách đường sắt	Người	
3.1	Số tiền giảm cho NCT trong lĩnh vực đường sắt	Nghìn đồng	
4	Tổng số đơn vị/cơ sở kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách hàng không	Cơ sở	
4.1	Trong đó số đơn vị/cơ sở thực hiện giảm giá vé đối với NCT	cơ sở	
4.2	Số NCT được giảm giá vé hàng không	Người	
4.3	Số tiền giảm cho NCT trong lĩnh vực hàng không	Nghìn đồng	

025

BIỂU SỐ 05

SỐ LIỆU LĨNH VỰC VĂN HÓA THỂ THAO NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 2723/BC-BCTNCT ngày 13 /12/2019 của Ban Công tác NCT tỉnh Kiên Giang)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu
1	Số khu di tích lịch sử - văn hóa, bảo tàng, danh lam thắng cảnh thực hiện giảm giá vé đối với NCT (có niêm yết công khai)	Khu	
2	Số NCT được miễn giảm giá vé khi tham quan các di tích lịch sử - văn hóa, bảo tàng, danh lam thắng cảnh	Người	
3	Số NCT được giảm giá dịch vụ khi tập luyện thể dục, thể thao hoặc tham gia các dịch vụ khác tại các cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch	Người	
4	Tổng số CLB thể dục, thể thao, văn hóa, văn nghệ cho NCT	CLB	140
5	Tỷ lệ NCT ở khu vực nông thôn tham gia các hoạt động thể dục thể thao, văn hóa, văn nghệ, du lịch	%	30-35
6	Tỷ lệ NCT ở khu vực thành thị tham gia các hoạt động thể dục thể thao, văn hóa, nghệ thuật, du lịch.	%	70-80
7	Tỷ lệ CLB Gia đình phát triển bền vững có thành viên là NCT	%	16
8	Số hộ gia đình có NCT đạt danh hiệu "Gia đình văn hóa"		
9	Số vụ bạo lực gia đình đối với NCT	Vụ	00
10	Số vụ đã được xử lý	Vụ	00

027

BIỂU SỐ 06

SỐ LIỆU VỀ HỖ TRỢ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 2723/BC-BCTNCT ngày 13/12/2019 của Ban Công tác NCT tỉnh Kiên Giang)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu
1	Số NCT tham gia Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới, Ban phát triển thôn ở xã	Người	
2	Số NCT đang tham gia lao động sản xuất thường xuyên (tạo thu nhập)	Người	7.947
3	Số NCT được hỗ trợ trong hoạt động kinh tế	Người	
3.1	Trong đó: +Số NCT được hỗ trợ vay vốn	Người	
3.2	+Số NCT được hỗ trợ khác (hướng dẫn cách làm ăn, phương tiện sản xuất, tiêu thụ sản phẩm...)	Người	
4	Số NCT là chủ trang trại, cơ sở sản xuất kinh doanh, chủ hộ kinh doanh cá thể tại địa phương (có đăng ký kinh doanh, có giấy phép)	Người	1.181

029

BIỂU SỐ 07

SỐ LIỆU VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 2723/BC-BCTNCT ngày 13 /12/2019 của Ban Công tác NCT tỉnh Kiên Giang)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu
1	Số NCT đang hưởng lương hưu	Người	6.621
2	Trong đó người từ đủ 80 tuổi trở lên	Người	798
3	Số NCT đang hưởng trợ cấp BHXH hàng tháng	Người	807
4	Trong đó người từ đủ 80 tuổi trở lên	Người	513
5	Tổng số NCT có thẻ BHYT	Người	176.398
5.1	Trong đó: - BHYT bắt buộc	Người	108.545
5.2	BHYT tự nguyện	Người	67.853

BIỂU SỐ 08

BÁO CÁO SỐ LIỆU CÔNG TÁC NGƯỜI CAO TUỔI NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 2723/BC-BCTNCT ngày 13/12/2019 của Ban Công tác NCT tỉnh Kiên Giang)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu		
			Nam	Nữ	Tổng
I	**THÔNG TIN CHUNG**				
1.1	Tổng dân số trung bình	Người			1.723.000
1.2	Tổng số hộ dân	Hộ	x	x	456.773
1.3	Số hộ có NCT (từ 01 NCT trở lên)	Hộ	x	x	
	Trong đó số hộ hiện chỉ có NCT (sống một mình hoặc chỉ có NCT sống với nhau)	Hộ	x	x	
1.4	Tổng số NCT (từ 60 tuổi trở lên)	Người			133.303
1.5	Trong đó số người từ đủ 80 tuổi trở lên	Người			22.215
1.6	Số NCT thuộc hộ nghèo	Người			
1.7	Số NCT thuộc hộ cận nghèo	Người			
1.8	Số NCT là người dân tộc thiểu số	Người			
1.9	Số NCT là người khuyết tật (có chứng nhận của cấp có thẩm quyền)	Người			6.637

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu
II	**CHĂM SÓC SỨC KHỎE**		
2.1	Số NCT có thẻ BHYT	Người	176.398
2.1.1	Trong đó: + BHYT được cấp	Người	108.545
2.1.2	+BHYT tự nguyện (tự mua hoặc được hỗ trợ mua)	Người	67.853
2.3	Số nhân viên y tế được đào tạo về lão khoa	Người	8
2.4	Số NCT được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 01 lần/năm (theo quy định tại Thông tư số 35/2011/TT-BYT)	Người	25.371
2.5	Số NCT được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe (Theo quy định tại Thông tư số 35/2011/TT-BYT)	Người	25.371
2.6	Số NCT được phổ biến kiến thức về chăm sóc và tự chăm sóc sức khỏe (Theo quy định tại Thông tư số 35/2011/TT-BYT)	Người	25.371
2.7	Tổng kinh phí thực hiện chăm sóc sức khỏe cho NCT tại cộng đồng (Theo quy định tại Thông tư	Nghìn đồng	

	số 35/2011/TT-BYT)		
III	**CHĂM SÓC VẬT CHẤT, BẢO TRỢ XÃ HỘI VÀ HỖ TRỢ NCT**		
3.1	Số NCT đang hưởng trợ cấp người có công với cách mạng (hàng tháng)	Người	
3.2	Số NCT đang hưởng lương hưu	Người	6.621
3.3	Số NCT đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội (BHXH)hàng tháng	Người	807
3.4	Số NCT hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo Luật NCT	Người	22.215
3.4.1	Trong đó: NCT từ 60 đến 80 tuổi thuộc hộ nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng	Người	279
3.4.2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng	Người	156
3.5	Số NCT đủ điều kiện tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội (BTXH)	Người	67
3.5.1	Trong đó, số NCT được nhận chăm sóc tại cộng đồng	Người	0
3.6	Số NCT hưởng trợ cấp hàng tháng theo Luật Người khuyết tật	Người	6.637
3.7	Số cơ sở BTXH công lập có nuôi dưỡng NCT	Người	01
3.8	Số NCT đang được nuôi dưỡng trong cơ sở BTXH công lập	Người	45
3.9	Số cơ sở nuôi dưỡng NCT dân lập	Cơ sở	01
3.10	Số NCT được nuôi dưỡng trong cơ sở dân lập	Người	22
3.11	Số NCT đang phải sống trong nhà tạm, dột nát	Người	
IV	**CHĂM SÓC TINH THẦN ĐỐI VỚI NCT**		
4.1	Tổng số CLB các loại của NCT (được cấp có thẩm quyền cho phép thành lập)	CLB	354
4.2	Số NCT tham gia các CLB	Người	8.068
4.3	Số xã/phường/thị trấn có CLB Liên thế hệ tự giúp nhau hoặc các mô hình CLB tương tự (vừa chăm sóc vừa phát huy, nhiều mảng hoạt động)	Xã/Ph/TT	25
4.4	Số NCT được chúc thọ, mừng thọ theo quy định	Người	15.157
4.5	Số lượt NCT được thăm hỏi, tặng quà (dịp lễ, tết, hoặc khi ốm đau...)	Lượt Người	19.746
4.6	Số vụ vi phạm các hành vi bị cấm trong lĩnh vực NCT	Vụ	
4.7	Số vụ vi phạm đã được xử lý	Vụ	
V	**PHÁT HUY VAI TRÒ NCT**		
5.1	Số NCT tham gia hoạt động kinh tế, tạo thu	Người	7.947

	nhập		
5.2	Số NCT được hỗ trợ trong hoạt động kinh tế	Người	
5.2.1	Trong đó: + Số NCT được hỗ trợ vay vốn sản xuất	Người	
5.2.2	+ Số NCT được hỗ trợ hướng dẫn cách làm ăn, phương tiện sản xuất, tiêu thụ sản phẩm…	Người	
5.3	Số NCT là chủ trang trại, cơ sở sản xuất kinh doanh, chủ hộ kinh doanh cá thể tại địa phương (có đăng ký kinh doanh, có giấy phép)	Người	1.181
5.4	Số NCT tham gia công tác xã hội (công tác Đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể, các tổ/ban hòa giải, thanh tra, an ninh, xây dựng nông thôn mới...)	Người	6.365
VI	**CÁC LOẠI QUỸ ĐỐI VỚI NCT**		
6.1	Tổng số tiền huy động trong năm Quỹ Hội của NCT (do NCT đóng góp)	Nghìn đồng	7.561.957
6.2	Số xã/phường/thị trấn có Quỹ chăm sóc và phát huy vai trò NCT	Xã/Ph/TT	126
6.3	Số tiền Quỹ chăm sóc và phát huy vai trò NCT được huy động trong năm	Nghìn đồng	3.802.228
6.4	Số tiền Quỹ Chăm sóc và phát huy vai trò NCT đã chi trong năm	Nghìn đồng	
6.5	Số tiền Quỹ chăm sóc và phát huy vai trò NCT dư cuối kỳ	Nghìn đồng	
VII	**HỘI NGƯỜI CAO TUỔI**		
7.1	Số huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh thành lập Hội NCT	Huyện	09
7.2	Số huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh thành lập Ban Đại diện Hội NCT	Huyện	06
7.3	Số xã, phường, thị trấn thành lập Hội NCT	Xã/Ph/TT	145
7.4	Tổng số hội viên Hội NCT	Người	122.675
7.5	Trong đó số hội viên từ 60 tuổi trở lên	Người	115.003
VIII	**NỘI DUNG KHÁC**		
8.1	Số lớp tập huấn về công tác NCT	Lớp	57
8.2	Số cán bộ được tập huấn về công tác NCT trong năm	Người	1.865